

Bản án số: 200/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình
“Xác định cha cho con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiếu
Bà Ma Thị Như Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 102/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22/4/2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị V, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

2. Bị đơn: Anh Kiều Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Khánh T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hoà giải, nguyên đơn chị Triệu Thị V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Khánh T trước đây là vợ chồng. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau được nên đã ly hôn.

Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2023 của TAND huyện H có công nhận cho chị và anh T ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình vẫn còn là vợ chồng với anh T, chị có 02 con riêng với anh **Kiều Văn L**, tên là **Triệu Minh K**, sinh ngày 17/4/2021 và cháu **Kiều Linh Đ** (tên dự tính), sinh ngày 09/10/2022. Sau khi ly hôn với anh T, chị và anh L kết hôn và đã làm thủ tục giám định ADN để xác định anh L là bố đẻ của 2 con chị. Vì vậy, chị đề nghị Toà án xác định anh **Kiều Văn L** là bố đẻ của 2 cháu **Triệu Minh K**, sinh ngày 17/4/2021 và cháu **Kiều Linh Đ** (tên dự tính), sinh ngày 09/10/2022.

** Theo Bản tự khai, Biên bản hoà giải bị đơn anh **Kiều Văn L** trình bày:*

Anh nhất trí với lời trình bày của chị V. Trong thời gian chị V là vợ chồng với anh T, anh chị có với nhau 02 người con, tên là **Triệu Minh K**, sinh ngày 17/4/2021 và cháu **Kiều Linh Đ** (tên dự tính), sinh ngày 09/10/2022. Nay chị V đã ly hôn, anh chị đã kết hôn và đã đi làm giám định ADN nên anh đề nghị Toà án xác định anh là bố đẻ của 2 cháu **Triệu Minh K**, sinh ngày 17/4/2021 và cháu **Kiều Linh Đ** (tên dự tính), sinh ngày 09/10/2022 để anh làm thủ tục khai sinh cho các cháu.

** Tại Đơn đề nghị, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Khánh T** trình bày:*

Anh nhất trí với lời trình bày của chị V. Trong thời gian chị V là vợ chồng với anh, chị V có 02 người con riêng, tên là **Triệu Minh K**, sinh ngày 17/4/2021 và cháu **Kiều Linh Đ** (tên dự tính), sinh ngày 09/10/2022 với người khác. Nay anh chị đã ly hôn, chị V đã đi làm giám định ADN để đề nghị Toà án xác định cha cho con đối với 2 người con riêng. Anh nhất trí với ý kiến của chị V, anh không liên quan đến 2 người con riêng của chị V, đề nghị Toà án xác định anh **Kiều Văn L** là bố đẻ của 2 cháu **Triệu Minh K**, sinh ngày 17/4/2021 và cháu **Kiều Linh Đ** (tên dự tính), sinh ngày 09/10/2022. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh T không đến Toà án để làm việc. Toà án tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương với ông **Vũ Quảng Đ1** - Tổ trưởng tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang kết quả thể hiện: Anh **Nguyễn Khánh T** là công dân có hộ khẩu thường trú tại **tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang**. Anh T là con bà **Lê Thị V1**, sinh năm 1973. Anh T hiện đang chung khẩu với bà V1 ở **tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang**. Theo ông được biết anh T là lao động tự do, nay đây mai đó, đi làm theo công trình nên thường không có mặt tại địa phương. Thi thoảng anh T cũng có về thăm mẹ và con ở **tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang**. Trước đây anh T có vợ là chị **Triệu Thị V**, sinh năm 1999, trú tại: **Thôn X, xã N, huyện H** và có 01 con chung tên là **Nguyễn Hải Đ2**, sinh ngày 01/8/2017. Tuy nhiên vào đầu năm 2023 anh T và chị V đã ly hôn. Con chung của anh chị là cháu **Đặng h** ở với anh T và bà V1 ở **tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang**. Đối với vụ án xác định cha cho con của chị **Triệu Thị V** mà anh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đối với bà **Lê Thị V1** – mẹ đẻ của anh **Nguyễn Khánh T**, kết quả thể hiện: Anh T là con đẻ của bà. Hiện anh T và con chung của anh T với chị **Triệu Thị V** là cháu **Nguyễn Hải Đ2**, sinh ngày 01/8/2017 đang ở cùng và có hộ khẩu trong gia đình bà. Tuy nhiên hiện tại anh T đi làm ăn xa ở

dưới Hà Nội, thi thoảng mới về thăm bà và con. Trước đây, anh T và chị V là vợ chồng nhưng vào đầu năm 2023, vì không ở được với nhau nên anh chị đã ly hôn. Về vấn đề con riêng của chị V, bà cũng nắm được trong thời kỳ hôn nhân với anh T, chị V có 02 người con riêng với người khác. Nay chị V đề nghị Toà án xác định cha cho con đối với 2 người con riêng, bà không có ý kiến gì. Bà cũng khẳng định chữ ký và chữ viết trong Đơn đề nghị của anh Nguyễn Khánh T gửi Toà án đúng là chữ ký, chữ viết của con trai bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án xác định anh Kiều Văn L là bố đẻ của 2 cháu Triệu Minh K, sinh ngày 17/4/2021 và cháu Kiều Linh Đ (tên dự tính), sinh ngày 09/10/2022. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 88, 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị V, tuyên bố anh Kiều Văn L là bố đẻ của 2 cháu Triệu Minh K, sinh ngày 17/4/2021 và cháu Kiều Linh Đ (tên dự tính), sinh ngày 09/10/2022.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Nguyên đơn chị Triệu Thị V khởi kiện yêu cầu xác định cha cho con, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp về xác định cha cho con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại thôn X, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; bị đơn có nơi cư trú tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai nhưng các đương sự có Đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện H giải quyết vụ án. Do đó vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, chị **Triệu Thị V** và anh **Kiều Văn L** đều thừa nhận, anh chị có với nhau 02 người con, tên là **Triệu Minh K**, sinh ngày 17/4/2021 và **Kiều Linh Đ** (tên dự tính), sinh ngày 09/10/2022. Tại Quyết định số 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2023 của TAND huyện H đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **V** và anh **Nguyễn Khánh T**; ghi nhận giữa chị **V** và anh **T** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Hải Đ2**, sinh ngày 01/8/2017 đang ở cùng anh **T**. Tại Kết quả phân tích ADN số 98DG.22/DNA, 99DG.21/DNA ngày 25/02/2024 của **Công ty TNHH Đ3** kết luận anh **Kiều Văn L** và cháu **Triệu Minh K**, cháu **K1** Linh Đan có mối quan hệ huyết thống bố con với xác suất 99,9999%. Anh **T** cũng xác định không có quan hệ huyết thống bố con với cháu **K** và cháu **Đ**, không có ý kiến gì về kết luận giám định và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị **V** theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, kết quả xét nghiệm ADN của **Công ty TNHH Đ3** và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở khẳng định anh **Kiều Văn L** là bố đẻ của cháu **Triệu Minh K**, cháu **Kiều Linh Đ**. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Triệu Thị V**, xác định anh **Kiều Văn L** là bố đẻ cháu **K** và cháu **Đ** là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị **Triệu Thị V** không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 88, 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Triệu Thị Vĩnh**.

1. Tuyên bố anh **Kiều Văn L**, sinh ngày 19/10/1989, số căn cước công dân 010089007933, địa chỉ: **Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai** là bố đẻ của cháu **Triệu Minh K**, sinh ngày 17/4/2021 và cháu **Kiều Linh Đ** (tên dự tính), sinh ngày 09/10/2022.

Chị **V** và anh **L** có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch và thực hiện các quyền về lý lịch tư pháp cho cháu **K**, cháu **Đ** theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho nguyên đơn chị **Triệu Thị Vĩnh**.

Trả lại cho chi **V** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000596 ngày 23/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 22/4/2024).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Nhân Mục;
- UBND xã Thái Niên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Minh Ngọc